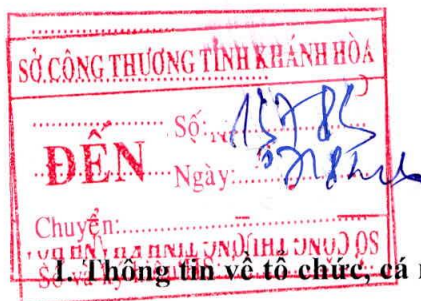




Ký bởi: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký: 07-
08-2026
16:44:00
+07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/T.D/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN T.D**

Địa chỉ: 32-34 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: (84 58) 527484

Mã số doanh nghiệp: 4200592551

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 3046/GCNATTP-UBND.

Ngày cấp: 31/08/2025. Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bánh Trung thu nhân xoài và chanh dây

2. Thành phần: Đường 23,29%, bột mì 20,80%, dầu thực vật 15,81%, đậu xanh 12,48%, **xoài chín 9,98%**, trứng gà 4,58%, bột hương xoài 4,16%, **nước cốt chanh dây 3,33%**, bột bánh dẻo 2,08%, mạch nha 2,08%, bột trứng sữa (Lion Powder) 1,25%, chất bảo quản Kali sorbat (INS 202) 0,17%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sản phẩm có thời hạn sử dụng 12 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở nhiệt độ $\leq 25^{\circ}\text{C}$, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp và nguồn nhiệt. Khi bảo quản trong tủ lạnh ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$, thời hạn sử dụng là 20 ngày kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem “NSX” và “HSD” trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi hộp 2 bánh hoặc 4 bánh, mỗi bánh 125 g. Bao bì là túi nhựa thực phẩm chuyên dụng, hàn kín miệng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.



5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Thông tin cảnh báo: Bên trong có gói hút ẩm, không được ăn. Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.
- Cách dùng: Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, ở nhiệt độ $\leq 25^{\circ}\text{C}$ hoặc bảo quản trong tủ lạnh ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn dự kiến): Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP: ghi đầy đủ tên sản phẩm, thành phần, NSX-HSD, đơn vị sản xuất, hướng dẫn bảo quản.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

A. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Độ ẩm: $\leq 30\%$
- Trị số peroxide: ≤ 1 meq/kg dầu
- Chì (Pb): Không phát hiện mg/kg
- Aflatoxin B1: Không phát hiện.
- Các chỉ tiêu vi sinh và giới hạn tối đa cho phép của sản phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn cho phép
1	Escherichia coli	≤ 10 CFU/g
2	Salmonella spp.	Không phát hiện trong 25 g
3	Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase	≤ 10 CFU/g
4	Tổng nấm mốc	≤ 10 CFU/g
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	$\leq 1,0 \times 10^4$ CFU/g

- Bảng giá trị dinh dưỡng (Nutrition Facts):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Năng lượng	kcal/100 g	328
2	Protein (Đạm)	g/100 g	5,95
3	Chất béo	g/100 g	10,5
4	Carbohydrate	g/100 g	52,5
5	Đường tổng số (Saccharose)	g/100 g	15,0
6	Natri (Na)	mg/100 g	5,77

- Chỉ tiêu chất bảo quản:

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép
01	Kali sorbat (INS 202)	≤ 1.7 g/kg

- Và các chỉ tiêu khác như công bố.

B. Quy trình sản xuất:

Tóm tắt các công đoạn chính:

- Tiếp nhận và kiểm tra nguyên liệu đầu vào.
- Sơ chế nhân xoài.
- Trộn nhân và tạo khối.
- Nhào và ủ bột vỏ bánh.
- Tạo hình: bọc nhân, ép khuôn.
- Nướng bánh 2 lần ở nhiệt độ trên 180°C .
- Làm nguội, đóng gói, dán nhãn.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát ở nhiệt độ 20°C – 25°C hoặc bảo quản trong kho mát/tủ lạnh ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$.

Toàn bộ quy trình tuân thủ nguyên tắc 1 chiều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn hiện hành.

C. Tiêu chuẩn cơ sở: 03/TD/TCCS:

1. Phạm vi áp dụng: Bánh trung thu nhân xoài và chanh dây do Công ty CP T.D sản xuất và tự công bố chất lượng theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.
2. Mô tả sản phẩm: Bánh trung thu nhân xoài và chanh dây không chứa nguyên liệu từ thịt động vật hoặc thịt gia cầm và hải sản.
3. Thành phần chính: Đường, bột mì, dầu thực vật, đậu xanh, xoài chín 9.98%, trứng gà, bột hương xoài, nước cốt chanh dây 3,33%, bột bánh dẻo, mạch nha, bột trứng sữa (Lion Powder), chất bảo quản: Kali sorbat (INS 202).
4. Yêu cầu cảm quan:
 - Màu: Vỏ vàng nâu
 - Mùi: Thơm đặc trưng của bánh nướng, không có mùi lạ
 - Kết cấu: Vỏ mềm, nhân dẻo
5. Các chỉ tiêu chất lượng (theo xét kết quả xét nghiệm có Mã số mẫu:

BN32606.04160029, ngày 13/06/2026):

- Độ ẩm $\leq 28.6\%$ (đặc thù theo sản phẩm có nhân mềm).
- Năng lượng: ~ 328 kcal/100g
- Carbohydrate: ~ 52.5 g/100g
- Chất béo: ~ 10.5 g/100g
- Trị số peroxide $\leq 1,0$ meq/kg chất béo
- Chỉ số acid $\leq 2,0$ mg KOH/g chất béo.

D. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Nghị định 37/2026/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.

Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

V. Cam kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

✓ Nha Trang, ngày 21 tháng 07 năm 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, ~~đóng dấu~~)



Ư *S*
Vũ Hồng Quỳnh
TỔNG GIÁM ĐỐC



MẪU NHÃN SẢN PHẨM BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY:
(Mẫu nhãn dự kiến)

BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY

Khối lượng tịnh: 125 g

Thành phần: Đường, bột mì, dầu thực vật, đậu xanh, xoài chín 9,98%, trứng gà, bột hương xoài, nước cốt chanh dây 3,33%, bột bánh dẻo, mạch nha, bột trứng sữa (Lion Powder), chất bảo quản Kali sorbat (INS 202).

NSX: Ngày.....Tháng.....Năm....

HSD: 12 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ $\leq 25^{\circ}\text{C}$;

Hoặc 20 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản lạnh ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt độ $\leq 25^{\circ}\text{C}$ hoặc bảo quản trong tủ lạnh ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn ngay. Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng, mốc hoặc đã hết hạn sử dụng.

Sản xuất bởi: CÔNG TY CP T.D

Địa chỉ: 32-34 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Số: 03/T.D/2026 – Mã số Doanh Nghiệp: 4200592551

Xuất xứ: Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	Giá trị trung bình trong 100 g sản phẩm
Năng lượng	328 kcal
Protein (Đạm)	5,95 g
Chất béo	10,5 g
Carbohydrate	52,5 g
Đường tổng số	15,0 g
Natri	5,77 mg

CASE-SMQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITYMã số mẫu/ Sample code
BN32606.04160029
MM32606.041600291**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

Ngày/ Date: 13/06/2026

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN T.D**
Địa chỉ/ Address : **32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM**
Tên mẫu/ Name of sample : **BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **04/06/2026**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **13/06/2026**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11)
2	Tro không tan trong HCl	%	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0096 (2020) (Ref. TCVN 4071:2009)
3	Cảm quan	.	Trạng thái: Hình tròn. Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi và vị: Đặc trưng của sản phẩm.	CASE.NS.0204:2022
4	Chỉ số acid	mg KOH/g chất béo	1,94	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
5	Chỉ số peroxide	meq/kg chất béo	0,26	TCVN 6121:2018 (ISO 3960:2017) (*)
6	Hoạt độ nước	.	0,9103 (25°C)	TCVN 12758:2019 (ISO 18787:2017) (*)
7	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2022) (*)

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.

2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRU SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE

Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
☎ 028 3829 5087 – 3829 1744 ✉ casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/ CAN THO BRANCH

Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City
☎ 0292 3918 217 – 3918 218 ✉ casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/ CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18 8E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
☎ 0258 2465 255 – 2465 355 ✉ vanphongmientrung@case-smq.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Aflatoxin tổng số	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2022) (*)
9	Deoxynivalenol	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0070 (2018) (*)
10	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (2021) (*)
11	Zearalenone	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.SK.0070 (2018) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR


ThS. Trần Chí Dũng



Lê Thành Thọ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.
2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ 1/OFFICE 1
☎ Số 263 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 263 Dien Bien Phu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
☎ 028 3930 2733 – 3933 3533 ✉ truso1@case-smq.vn

TRỤ SỞ 3/OFFICE 3
☎ Số 26 Huỳnh Văn nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 26 Huynh Van Nghe Street, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City
☎ 0274 3897 574 – 3883 186 ✉ truso3@case-smq.vn

TRỤ SỞ 4/OFFICE 4
☎ Số 379 Hà Huy Tập, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 379-Ha Huy Tap Street, Ba Ria Ward, Ho Chi Minh City
☎ 0254 3717 636 ✉ truso4@case-smq.vn

CASE-SMQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGYTRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITYMã số mẫu/ Sample code
BN32606.04160029
MM32606.041600291KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 13/06/2026

Tên khách hàng/ Customer
Địa chỉ/ Address: CÔNG TY CỔ PHẦN T.D
: 32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA,
VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu đựng trong túi nhựa kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 04/06/2026

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 13/06/2026

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Na	mg/100g	5,77	CASE.TN.0017 (2021) (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
2	Béo	g/100g	10,5	CASE.NS.0031:2022 (Ref. FAO 14/7 p.214,1986) (*)
3	Carbohydrate	g/100g	52,5	CASE.NS.0210 (Ref. Thông Tư 29/2023/TT-BYT)
4	Đạm	g/100g	5,95	CASE.NS.0009 (2022) (Ref. (Ref. FAO 14/7 p.221-223, 1986)) (*)
5	Năng lượng	kcal/100g	328	CASE.NS.0210 (Ref. Thông Tư 29/2023/TT-BYT)
6	Đường tổng số	g/100g	15,0 (Saccharose)	CASE.SK.0086 (2022)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

ThS. Trần Chí Dũng

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR

Lê Thành Thọ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.

2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE

Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

028 3829 5087 - 3829 1744

casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/ CAN THO BRANCH

Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City

0292 3918 217 - 3918 218

casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18 8E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province

0258 2465 255 - 2465 355

vanphongmienTrung@case-smq.vn

CASE-SMQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGYTRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITYMã số mẫu/ Sample code
BN32606.04160029
MM32606.041600291KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 13/06/2026

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN T.D
Địa chỉ/ Address : 32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2026
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 13/06/2026

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Kali Sorbate	mg/kg	1620 (Qui từ acid Sorbic)	CASE.SK.0019 (2020) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratoryKT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR

ThS. Trần Chí Dũng



Lê Thành Thọ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.

2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE

Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

☎ 028 3829 5087 – 3829 1744

✉ casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/ CAN THO BRANCH

Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City

☎ 0292 3918 217 – 3918 218

✉ casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18 8E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province

☎ 0258 2465 255 – 2465 355

✉ vanphongmienTrung@case-smq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY



TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITY

Mã số mẫu/ Sample code BN32606.04160029 MM32606.041600291	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày/ Date: 13/06/2026
---	---	------------------------

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN T.D**
Địa chỉ/ Address : **32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM**
Tên mẫu/ Name of sample : **BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **04/06/2026**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **13/06/2026**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Độ ẩm	%	28,6	CASE.NS.0119 (FAO 14/7 p.208, 1986)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR

ThS. Trần Chí Dũng



Lê Thành Thọ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.
2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ CHÍNH/HEAD OFFICE

☎ Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
☎ 028 3829 5087 – 3829 1744 ✉ casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/CAN THO BRANCH

☎ Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City
☎ 0292 3918 217 – 3918 218 ✉ casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

☎ Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18.E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
☎ 0258 2465 255 – 2465 355 ✉ vanphongmienTrung@case-smq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY



TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITY

Mã số mẫu/ Sample code BN32606.04160029 MM32606.041600291	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày/ Date: 13/06/2026
---	---	------------------------

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN T.D
Địa chỉ/ Address : 32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2026
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 13/06/2026

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Escherichia coli	CFU/g	< 10	ISO 16649-2:2001 (*)
2	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
3	Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase	CFU/g	< 10	ISO 6888-1:2021/Amd 1:2023 (*)
4	Tổng nấm mốc	CFU/g	< 10	ISO 21527-1:2008 (*)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	< 10	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 hoặc nhỏ hơn 1 khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 or less than 1 when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

Lê Thành Thọ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.
2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE

☎ Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyễn Văn Thủ Street, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
☎ 028 3829 5087 – 3829 1744 ✉ casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/ CAN THO BRANCH

☎ Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu Street, Hưng Phú Ward, Can Tho City
☎ 0292 3918 217 – 3918 218 ✉ casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

☎ Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18 8E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
☎ 0258 2465 255 – 2465 355 ✉ vanphongmienTrung@case-smq.vn

CASE-SMQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGYTRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITYMã số mẫu/ Sample code
BN32606.04160029
MM32606.041600291KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày / Date: 13/06/2026

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN T.D

Địa chỉ/ Address : 32-34 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : BÁNH TRUNG THU NHÂN XOÀI VÀ CHANH DÂY

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/06/2026

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 13/06/2026

Phụ trách phòng thử nghiệm/ Officer in charge of laboratory

KT. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR

Lê Thành Thọ

ThS. Trần Chí Dũng

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.

2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE

Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

☎ 028 3829 5087 – 3829 1744

✉ casehcm@case-smq.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ/ CAN THO BRANCH

Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City

☎ 0292 3918 217 – 3918 218

✉ casecantho@case-smq.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/ CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE

Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
No. STH 27.18 8E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province

☎ 0258 2465 255 – 2465 355

✉ vanphongmienTrung@case-smq.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST REPORT

Mã số mẫu/ Sample Code: MM32606.041600291



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG/ NUTRIENT VALUE (a)

Chỉ tiêu/Parameters	/ 100g	% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu/ % Nutrient Reference Value (b)
Năng lượng	328.00 kcal	16.40
Đạm	5.95 g	11.90
Carbohydrate	52.50 g	16.15
Đường tổng số	15.00 g	(c)
Béo	10.50 g	18.75
Na	5.77 mg	0.29

Ghi chú/ Note:

- (a) Bảng giá trị dinh dưỡng này (theo 29/2023/TT-BYT) được tính dựa trên kết quả thử nghiệm của mẫu/ This nutritional value table (according to 29/2023/TT-BYT) is based on sample test results.
- (b) Phần trăm giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên nhu cầu năng lượng 2.000 Kcal (8400 kJ)/ The Nutrient Reference Value are calculated based on an energy requirement of 2,000 Kcal (equivalent to 8400 kJ).
- (c) Chưa khuyến nghị giá trị dinh dưỡng tham chiếu/ No recommended Reference Nutritional Values./.

CASE-SMQ

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.
2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

TRỤ SỞ 1/OFFICE 1

☎ Số 263 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 263 Dien Bien Phu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
☎ 028 3990 2733 – 3933 3533 ✉ truso1@case-smq.vn

TRỤ SỞ 3/OFFICE 3

☎ Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 26 Huynh Van Nghe Street, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City
☎ 0274 3897 574 – 3883 186 ✉ truso3@case-smq.vn

TRỤ SỞ 4/OFFICE 4

☎ Số 379 Hà Huy Tập, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh
No. 379 Ha Huy Tap Street, Ba Ria Ward, Ho Chi Minh City
☎ 0254 3717 636 ✉ truso4@case-smq.vn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Chứng nhận

Cơ sở: **CÔNG TY CỔ PHẦN T.D**

Loại hình sản xuất: **Bánh trung thu**

Chủ cơ sở: **Ông Vũ Hồng Quỳnh**

Địa chỉ sản xuất: **32-34 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.**

Điện thoại: **0258.3887777**

Fax: **0258.3886666**

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2025

Số cấp: 3046/GCNATTP-UBND,
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày 31/8/2028

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng
Trịnh Minh Hoàng

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA
PHÒNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 4200592551

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 02 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 11 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN T.D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TD CORPORATION

Tên công ty viết tắt: T.D.C

2. Địa chỉ trụ sở chính

32-34 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: (84 58) 527484

Số Fax: (84 58) 527494

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.100.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VŨ HỒNG QUỲNH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/08/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034072004924

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 1041 La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Như Thy